

Bản án số: 196/2020/HC-PT

Ngày: 15 - 6 - 2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2019/TLPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1416/2018/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1520/2019/QĐ - PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn Q (vắng mặt)

Địa chỉ: 175 X, Khu phố X1, phường T, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 86 L, phường B, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh (Yêu cầu

xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 168 T, phường T, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Nguyễn Văn Q (có mặt)

- Ông Bùi Văn T (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Khánh L (vắng mặt).

Địa chỉ: 175 X, Khu phố X1, phường T, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện ngày 19/3/2012, đơn kiện bổ sung ngày 12/5/2015 và biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Trần Văn Q trình bày:

Thực hiện theo dự án mở rộng X giai đoạn 2 cấp thiết, ông Q đã và đang thực hiện tốt chính sách bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất theo quy định pháp luật hiện hành, chính sách của Phương án tổng thể 2206/PATT-TNMT ngày 01/9/2008 đã được phê duyệt và được Ủy ban nhân dân (UBND) Quận X2 ban hành quyết định tuyên dương, khen thưởng thông qua Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 13/3/2009 vì chấp hành tốt chủ trương chính sách của Nhà nước, ông là một trong 10 hộ chấp hành tốt chủ trương chính sách khi Nhà nước có nhu cầu cấp thiết về đất và đã bàn giao đất cho Nhà nước đầu tiên vào ngày 16/02/2009 trong dự án mở rộng X (giai đoạn 2) và trước ngày 01/10/2009 (ngày Nghị định 69/2009/NĐ-CP có hiệu lực).

Ngày 06/12/2010, UBND Quận X2 ban hành Quyết định hành chính số 15801/QĐ-UBND (kèm phiếu chiết tính 38/BS-TĐ ngày 02/12/2010), về việc bồi thường (gọi tắt là Quyết định 15801/2010/QĐ-UBND, trong đó có giải quyết:

+ Hỗ trợ do thu hồi đất bổ sung: $294,89\text{m}^2 \times 6.022.222 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$.

+ Hỗ trợ đất thuộc hành lang bảo vệ, tính theo loại đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: $(228,06\text{m}^2 \text{ do thu hồi đất từ năm 2008}) = 190,05\text{m}^2 + 38,01\text{m}^2 \times 6.022.222 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$

Ông Q không đồng ý với 2 khoản nêu trên về việc áp giá đền bù, nên có đơn khiếu nại.

Ngày 08/9/2011 Chủ tịch UBND Quận X2, ban hành Quyết định 11700/QĐ- UBND-TTr giữ nguyên Quyết định 15801/2010/QĐ-UBND;

Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tiếp khiếu nại theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012 giữ nguyên Quyết định số 1700/QĐ- UBND ngày 08/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận X2.

Sau khi đoàn Thanh tra Chính phủ đã Thanh tra và có kết luận. Ngày

21/8/2013 Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 7008/VPCP-V.I truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chỉ đạo: “Đồng ý kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1469/BTNMT-TTr ngày 18 tháng 04 năm 2013 về giải quyết khiếu nại của Ông Trần Hữu Phú và các hộ dân về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án X. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo Thủ tướng chính phủ kết quả”.

Như nội dung Công văn số 1469/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhận xét như sau: “ Năm 2008 và năm 2009 Ủy ban nhân dân Quận X2 đã thu hồi đất nông nghiệp của 9 hộ gia đình, cá nhân để xây dựng X và mới chỉ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ một phần diện tích bị thu hồi cho các hộ, với mức hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư áp dụng theo Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, nhưng thực tế các hộ đã bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho Nhà nước. Năm 2010 và năm 2011 chính quyền địa phương mới thực hiện bồi thường, hỗ trợ phần diện tích còn lại cho các hộ, với mức hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường áp dụng theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2009 của Chính phủ có giá thấp hơn nhiều so với năm 2008 và năm 2009 nên các hộ khiếu nại. Việc bồi thường hỗ trợ chậm không phải lỗi của các hộ mà do chính quyền địa phương và thực tế các hộ đã bàn giao đất cho Nhà nước theo quyết định thu hồi. Căn cứ Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ thì các hộ gia đình, cá nhân phải được bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường theo mức giá năm 2009.”

Sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 2359/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 về việc điều chỉnh Quyết định 1095/2012/QĐ-UBND:

Ngày 03/9/2014, UBND Quận X2 ban hành Quyết định số 3802/QĐ-UBND và bảng chiết tính bổ sung mà Ủy ban nhân dân Quận X2 đã áp giá bồi thường lại chưa xem xét bồi thường thiệt hại do lỗi của chính quyền địa phương gây ra từ 23/6/2009 (ngày UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 2993/UBND-ĐTMT chỉ đạo cho UBND Quận X2 về việc tính bồi thường hỗ trợ đối với phần đất thuộc hành lang bảo vệ), đến nay. Giá trị thiệt hại kinh tế này là sự có thật và trong thực tế có thể chứng minh được và tính theo lãi suất mà Ban bồi thường gửi vào Ngân hàng đối với trường hợp có Quyết định chi trả tiền, mà chưa giao tiền cho người dân.

Do đó ông Q khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định ngày 15801/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của UBND Quận X2;
- Hủy Quyết định 11700/QĐ-UBND-TTr ngày 08/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận X2 giải quyết khiếu nại;
- Hủy Quyết định 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012 năm 2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hủy Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của Chủ tịch UBND TPHCM.

- Hủy Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND Quận X2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần đơn kiện yêu cầu hủy Quyết định 11700/QĐ-UBND-TTr ngày 08/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận X2, Quyết định 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định 2359/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 về điều chỉnh giải quyết khiếu nại.

Trình bày tại văn bản số 6815/UBND-PCNC ngày 05/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Sau khi Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định khiếu nại số 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012, ông Trần Văn Q gửi đơn đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tại Văn bản số 1496/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị: “Giao Ủy ban nhân dân Quận X2 thực hiện và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với giá 9.184.600 đ/m² cho 09 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ ông Trần Văn Q là 190,05m². Chỉ đạo UBND Quận X2 tính toán hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường cho 07 trường hợp (189,7m² cho 1 trường hợp) bị thu hồi năm 2010, trong đó có hộ ông Q đối với phần diện tích đất sử dụng chung 1.328,53 m²/1.708,11 m² nêu trên theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét, Phó Thủ tướng Chính Phủ có ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 7008/VPCP-V.1 ngày 21/8/2013 của Văn phòng chính phủ như sau: “Đồng ý kiến nghị của Bộ Tài nguyên và môi trường tại văn bản số 1496/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2359/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 điều chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại số 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012 đối với khiếu nại của ông Trần Văn Q với nội dung giải quyết bổ sung tăng tiền hỗ trợ đối với 190,05 m² đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với giá (22.961.500 đồng x 40%) = 9.184.600 đồng/m² và hỗ trợ phần đất 189,79m² đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường thu hồi năm 2010, là đúng.

Tại văn bản số 5296/UBND-BBT ngày 15/12/2015 và số 5117/UBND-BBT ngày 14/12/2017, Ủy ban nhân dân Quận X2 trình bày:

Ông Trần Văn Q yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND Quận X2; đề nghị tính lãi từ thời điểm bàn giao đất (năm 2009) đến nay là không có cơ sở, bởi lẽ:

Căn cứ Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ, vào ngày 06/12/2010, UBND Quận X2 ban hành Quyết định số 15801/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phần diện tích đất nông nghiệp vị trí mặt tiền đường diện tích 386,93m² với đơn giá 162.000 đồng/m², hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư diện tích 386,93m² theo đơn giá (40% x 22.961.500 đồng/m²) = 9.184.600 đồng/m². Đối với phần diện tích 228,06m² đất nằm trên hành lang tuyến ống nước chưa tính vì chờ UBND Thành phố Hồ Chí Minh

hướng dẫn thực hiện.

Ngày 23/6/2009, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 2993/UBND-ĐTMT về giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống cấp nước dọc X trên địa bàn Quận X2 và quận Thủ Đức.

Ngày 03/9/2014, UBND Quận X2 ban hành Quyết định số 3802/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung phần diện tích đất nằm trên hành lang tuyến ống nước $190,05\text{m}^2$ với đơn giá 162.000 đồng/ m^2 , hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường diện tích $190,05\text{m}^2$ theo đơn giá: $50\% \times 6.022.222$ đồng = $3.011.111$ đồng/ m^2 là phù hợp khoản 2, Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Xét về thời điểm bồi thường: UBND Quận X2 đã áp dụng đúng quy định của chính sách và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với phần nhà, đất giải tỏa của ông Trần Văn Q. Ông Q đã đồng ý nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thực hiện dự án. Như vậy, việc bồi thường thu hồi đất đảm bảo thực hiện đúng theo trình tự thủ tục và thời gian quy định; không chậm nên không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Xét về giá trị hỗ trợ: Do ông Q chưa đồng ý về đơn giá hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, đã gửi đơn khiếu nại nhiều cấp yêu cầu tính bồi thường phần diện tích $190,05\text{m}^2$ theo mức hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư. Đơn của ông đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tại Công văn số 1469/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013 với nội dung: “Giao Ủy ban nhân dân Quận X2 thực hiện hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với giá $(40\% \times 22.961.500$ đồng/ m^2) = $9.184.600$ đồng/ m^2 cho 09 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có ông Trọng 190m^2)”

Đồng thời ngày 21/8/2013, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7008/VPCP-V.I truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc: “Đồng ý kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1469/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013 về giải quyết khiếu nại của ông Trần Hữu Phú và các hộ dân về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án X. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật”.

Như vậy việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn Q đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết tổng thể dựa trên yếu tố thời gian và sự trượt giá của giá trị bồi thường do có sự đối trọng về mặt chính sách theo từng thời điểm. Cụ thể về chủ trương vẫn tuân thủ quy định của pháp luật về bồi thường đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường theo Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ nhưng về giá trị đã có sự vận dụng linh hoạt tính theo đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ với đơn giá $9.184.600$ đồng/ m^2 , mức hỗ trợ tăng thêm so với mức hỗ trợ theo quy định hiện hành. Theo cách giải quyết này, thì quyền lợi của ông Trần Văn Q đã được bảo đảm một

cách tốt nhất và có lợi nhất. Do đó, việc ông Q đề nghị tính lãi từ thời điểm bàn giao đất năm 2009 đến nay là không có cơ sở.

Đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X2 trình bày:

Đồng ý với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh và UBND Quận X2. Chủ tịch UBND Quận X2 giữ nguyên Quyết định số 11700/QĐ-UBND-TTr ngày 08/9/2011 về giải quyết khiếu nại (giữ nguyên Quyết định 15801/2010/QĐ-UBND của UBND Quận X2).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Nguyễn Thị Khánh L trình bày cùng ý kiến trình bày với ông Trần Văn Q.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 1416/2018/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ: Điểm c, g khoản 1 Điều 30; Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 173, 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 43 Nghị định 84/2007/NĐCP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với khởi kiện của ông Trần Văn Q yêu cầu hủy các Quyết định số 11700/QĐ-UBND-TTr ngày 08/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X2; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Văn Q yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 15801/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X2 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với hộ ông (bà) Trần Văn Q có căn nhà (thửa đất) số thuộc một phần thửa 225 tờ bản đồ số 2 (tài liệu 299/TTg) nay thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐDC 2002) phường Thảo Điền, Quận X2.

Chấp nhận khởi kiện của ông Trần Văn Q; hủy bỏ Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X2 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với hộ ông (bà) Trần Văn Q có căn nhà (thửa đất) số thuộc một phần thửa 225, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 299/TTg) nay thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐDC 2002), phường Thảo Điền, Quận X2, liên quan khoản chi trả hỗ trợ 1.745.533.230 đồng, không tính lãi.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận X2 giải quyết lại theo hướng bổ sung tiền lãi của số tiền gốc 572.261.645 đồng x thời gian tính lãi (kể từ ngày 25/6/2009 đến ngày 18/9/2014) và tiền lãi của số tiền gốc chênh lệch tăng (1.745.533.230 đồng - 572.261.645 đồng) = 1.173.271.585 đồng x thời gian tính lãi (kể từ ngày

25/6/2009 đến ngày 09/9/2014), theo hình thức lãi tiết kiệm bậc thang của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/10/2018 người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, về việc hủy quyết định 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND Quận X2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: UBND Quận X2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Dự án X giai đoạn 2 thực hiện theo Nghị định 84/2007/NĐ – CP không có quy định lãi suất chậm bồi thường, UBND Quận X2 chỉ trả năm 2009 cho ông Q cao hơn các hộ dân khác nên ông Q không có thiệt hại. Bản án sơ thẩm đã có nhầm lẫn về hỗ trợ lãi suất, khi gửi ngân hàng năm 2011 ông Q đã được hưởng lãi suất, nếu tiếp tục tính lãi suất thì ông Q đã được hưởng lãi suất 2 lần.

Năm 2009 thực hiện theo phương án tổng thể, trên cơ sở cam kết tự nguyện của người dân Quận X2 giải quyết bồi thường, năm 2010 mới ban hành phương án chi tiết, chứ không phải là bồi thường chậm, ông Q tự nguyện giao đất chứ UBND Quận X2 cũng không cưỡng chế, vẫn giải quyết theo loại đất nông nghiệp, nhưng do ông Q bồi thường từ 2009 nên đã xem xét hỗ trợ thêm 40% đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trong khi đất ông Q không nằm trong khu dân cư là đã đảm bảo quyền lợi cho ông Q.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND Quận X2, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên quyết định 3802/QĐ-UBND của UBND Quận X2. Trong trường hợp Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm thì đề nghị Tòa án chỉ tuyên hủy 1 phần quyết định về lãi suất, chứ không phải hủy toàn bộ quyết định. Lãi tính theo hình thức lãi bậc thang của ngân hàng, nên đề nghị ngân hàng cung cấp khung lãi suất chứ UBND Quận X2 không biết được lãi suất nên bản án ra rất khó thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Phần đất ông Q bị thu hồi trong dự án X giai đoạn 2 có diện tích 228,06 m² nhưng UBND Quận X2 chỉ hỗ trợ diện tích 190,05 m². Sau khi có văn bản của Thủ tướng chính phủ, Bộ Tài nguyên môi trường, UBND Quận X2 đã ban hành quyết định hỗ trợ 40% đất nhưng không tính lãi, UBND Quận X2 gửi tiền vào ngân hàng, ông Q đã nhận tiền và lãi từ ngân hàng. Tuy nhiên số tiền lãi ông Q còn thiếu là số tiền giữa 2 quyết định của

UBND Quận X2, đây là lỗi của cơ quan Nhà nước, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. UBND Quận X2 cho rằng có thông báo yêu cầu người dân nhận tiền nhưng không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện yêu cầu việc tuyên án rõ ràng để thuận lợi thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của UBND Quận X2 để thuận lợi cho việc thi hành án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành Tố tụng khi giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục đã quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

Ông Trần Văn Q khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định số 15801/QĐ-UBND ngày 06/10/2010, quyết định 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND Quận X2 về việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi 228,06 m² của ông Q để thực hiện dự án mở rộng X, giai đoạn 2. Lý do khởi kiện ông Q cho rằng UBND Quận X2 đã có lỗi trong việc xem xét, áp giá bồi thường, gây thiệt hại quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Người bị kiện cho rằng UBND Quận X2 đã thực hiện đầy đủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ cho người dân khi thu hồi đất nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện:

[3.1] Quyết định 15801/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND Quận X2:

Căn cứ bản án có hiệu lực pháp luật số 05/LHST ngày 06/4/2004 của Tòa án nhân dân Quận X2; Giấy xác nhận pháp lý số 225/GXN-UBND ngày 08/10/2010 của UBND phường Thảo Điền, Quận X2; Quyết định số 4835/QĐ-UB-QLĐT ngày 03/02/2000 của Ủy ban nhân dân Quận X2 về việc thay đổi số nhà, từ số 655 thành số 175 X, phường Thảo Điền, Quận X2, thì tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 64 (BĐDC năm 2002), phường Thảo Điền, Quận X2, có căn nhà số 655 xã An Phú, huyện Thủ Đức (cũ) nay là số 175 X, phường Thảo Điền, Quận X2, nguồn gốc của cha mẹ của ông Q, khi ly hôn chia một phần đất trống cho ông Q và nay do ông Q xin tách hộ khẩu, làm chủ hộ riêng theo sổ hộ khẩu gia đình số 190017220 năm 2007 (thời điểm cư trú từ năm 1977), cùng một số nhà số 175 X, phường Thảo Điền, Quận X2 của cha mẹ, đến khi bị thu hồi đất.

Phần đất của ông Q bị thu hồi giai đoạn 2 của dự án X diện tích 909,88 m²

(Giấy xác nhận pháp lý số 166/UBND-XN ngày 15/12/2008 và số 230/GXN-UBND ngày 08/10/2010 của UBND phường Thảo Điền, Quận X2), bao gồm:

- $386,93\text{m}^2 + 228,06\text{m}^2$ đất trong hành lang tuyến ống nước, chờ hướng dẫn = $614,99\text{m}^2$ (trong đó $386,93\text{m}^2/614,99\text{m}^2$ được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND Quận X2, kèm bảng chiết tính số 38/TĐ ngày 23/02/2009, còn lại $228,06\text{m}^2/614,99\text{m}^2$ chờ hướng dẫn).

- Thu hồi bổ sung $294,38\text{m}^2 + 0,51\text{m}^2$ lung tuyến ống nước = $294,89\text{m}^2$ (được bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 15801/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND Quận X2, kèm bảng chiết tính số 38/BS-TĐ ngày 03/12/2010);

Đối với phần đất bị thu hồi $386,93\text{m}^2/614,99\text{m}^2$ (được tính bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 1246/QĐ-UBND ngày 25/02/2009, kèm bảng chiết tính số 38/TĐ ngày 23/02/2009), theo kết luận của Bộ Tài nguyên và môi trường tại công văn số 1469/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013, ý kiến của Thủ Tướng Chính phủ tại công văn số 7008/VPCP-V.I ngày 21/8/2013, thì diện tích đất này bị thu hồi đất năm 2008, 2009 (tức là trước khi có Phương án số 197/PA-HĐBT ngày 18/10/2010 của Hội đồng bồi thường UBND Quận X2, bị điều chỉnh bởi Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính Phủ). Do đó áp dụng khoản 1 Điều 43 Nghị định 84/2007/NĐCP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, UBND chiết tính hỗ trợ $386,93\text{m}^2/614,99\text{m}^2 \times 40\%$ giá đất ở $22.961.500$ đồng/ m^2 , song song với với chiết tính hỗ trợ cho các hộ khác trong cùng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 64 - BĐĐC năm 2002 là đúng, không bị khống chế diện tích.

Phần đất $294,89\text{m}^2$ bị thu hồi bổ sung, có chiết tính hỗ trợ theo Quyết định 15801/2010/QĐ-UBND, kèm bảng chiết tính 38/BS-TĐ ngày 03/12/2010, trong thời điểm áp dụng Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP và Phương án số 197/2010/PA-HĐBT tại tiểu mục 13.1, mục 13, phần B thì UBND Quận X2 không tính $294,38\text{m}^2$ hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư bằng 40% đơn giá đất ở là phù hợp, vì quá 5 lần hạn mức đất ở tại địa bàn Quận X2 đã được tính cho các hộ trong cùng thửa đất số 16 tờ bản đồ số 64, như nêu trên.

UBND Quận X2 tính hỗ trợ $294,38\text{m}^2$ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường bằng 50% giá đất ở trung bình khu vực ($6.022.222$ đồng/ $\text{m}^2 \times 50\%$) là đúng với Phương án 197/2010/PA-BBT và khoản 2, 3 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính Phủ nên yêu cầu của ông Q về việc hủy Quyết định 15801/2010/QĐ-UBND liên quan đến khoản hỗ trợ $294,38\text{m}^2 \times 6.022.222$ đồng/ $\text{m}^2 \times 50\% = 887.946.523$ đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Quyết định 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND Quận X2:

Phần đất bị thu hồi $228,06\text{m}^2/614,99\text{m}^2$ theo Quyết định 1246/QĐ-UBND ngày 25/02/2009, kèm bảng chiết tính số 38/TĐ ngày 23/02/2009), chưa chi trả, chờ hướng dẫn và đến ngày 06/12/2010 UBND Quận mới ban hành Quyết định 15801/QĐ-UBND chi trả hỗ trợ $190,05\text{m}^2$ theo đơn giá đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường ($50\% \times 6.022.222$ đồng/ m^2), còn lại $38,01\text{m}^2$ lung tuyến ống nước, không tính hỗ trợ, nhưng ông Q không đồng ý, cho rằng cần tính $190,05\text{m}^2$ theo đơn giá $40\% \times 22.961.500$ đồng/ m^2 ;

Xét trình tự giải quyết khiếu nại của ông Q như sau:

- Ngày 23/02/2009 UBND Quận X2 ban hành quyết định số 1246/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn Q do thu hồi đất, có nhà không sổ thuộc thửa 225 tờ bản đồ số 2 khu phố 1, phường Thảo Điền, Quận X2, kèm bảng chiết tính giá trị số 38/TĐ ngày 23/02/2009; trong đó có phần đất nằm trong hành lang tuyến nước 228, 06 m²: chưa tính bồi thường, hỗ trợ, chờ hướng dẫn.

- Ngày 04/6/2009 Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 4733/STC-HĐTĐBT-BVG kiến nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo khi tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất thuộc hành lang an toàn tuyến ống nước dọc X.

- Ngày 23/6/2009 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành công văn số ĐTMT: Chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng bồi thường thành phố tại công văn số 4773/STC- HĐTĐBT-BVG ngày 04/6/2009 đối với phần đất nằm trong hành lang tuyến ống nước dọc theo X trên địa bàn Quận X2 và quận Thủ Đức.

- Ngày 06/12/2010 UBND Quận X2 ban hành quyết định số 15801/QĐ-UBND, kèm bảng chiết tính số 38/BS-TĐ ngày 03/12/2010, trong đó có tính hỗ trợ: đất thuộc hành lang tuyến ống nước, tính theo loại đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: 190,05 m² (trừ 38,01 m² đất thuộc lưng ống nước) x 6.022.222 đồng/m² x 50%.

- Ngày 18/4/2013 Bộ Tài nguyên và môi trường kết luận tại công văn số 1469/BTNMT-TTr: *Diện tích đất này bị thu hồi năm 2008, 2009 cần tính theo đơn giá đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường theo mức giá năm 2009 (giống như đơn giá của diện tích 386,93 m² /614,99 m² x 40% x 22.961.500 đồng/m²).*

- Ngày 21/8/2013 ý kiến của Thủ Tướng Chính phủ tại công văn số 7008/VPCP-V.I, chấp thuận công văn số 1469/2013/BTNMT-TTr.

- Ngày 16/5/2014 Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2359/QĐ-UBND, có nội dung: Giao Ủy ban nhân dân Quận X2 giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn Q đối với phần diện tích bị thu hồi 190,05 m² và 189,79 m² bị thu hồi năm 2010 thuộc phần diện tích đất sử dụng chung 1,328,53 m² trong dự án mở rộng X (giai đoạn 2) theo đúng ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại công văn số 7008/VPCP-VI ngày 21/8/2013 của Văn phòng chính phủ và kiến nghị số 1469/BTNMT-TTr ngày 18/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ngày 03/9/2014 UBND Quận X2 ban hành Quyết định số 3802/QĐ-UBND (kèm bảng chiết tính 38/BS-TĐ ngày 20/8/2014, giải quyết hỗ trợ lại đất bị thu hồi cho ông Q đối với mức giá hỗ trợ đất thuộc hành lang bảo vệ, theo đơn giá 190,05 m² x 22.961.500 đồng/m² x 40% .

Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng Quận X2 gửi khoản tiền của ông Q vào Ngân hàng Sài Gòn công thương chi nhánh Thái Bình - phòng giao dịch Quận X2 theo Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AA 0270974 ngày 30/3/2011, hình thức lãi suất tiết kiệm bậc thang. Ông Q đã nhận khoản tiền 190,05m² x

6.022.222 đồng/m² x 50% = 572.261.645 đồng theo Quyết định số 15801/2010/QĐ-UBND vào ngày 18/9/2014 và nhận khoản tiền của Quyết định 3802/2014/QĐ-UBND (chênh lệch tăng so với Quyết định 15801/2010/QĐ-UBND) vào ngày 09/9/2014 theo phiếu rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi số 23 ngày 09/9/2014. Theo văn bản số 7008/VPCP-V.I ngày 21/8/2013 Thủ tướng Chính phủ theo hướng đồng ý cách giải quyết của UBND Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản số 2993/UBND-ĐTMT ngày 23/6/2009, thì yêu cầu được tính lãi của số tiền gốc 575.261.645 đồng, và tiền lãi của số tiền gốc chênh lệch tăng 1.173.271.585 đồng của ông Q là có căn cứ chấp nhận. Lý do ông Q khởi kiện yêu cầu hủy quyết định 3802/QĐ-UBND vì quyết định trên chỉ bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với mức giá hỗ trợ đất thuộc hành lang bảo vệ, theo đơn giá 190,05 m² x 22.961.500 đồng/m² x 40%, không tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy quyết định 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND Quận X2, đồng thời buộc UBND Quận X2 tiếp tục thực hiện bồi thường bổ sung tiền lãi theo như nhận định trên theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính là đảm bảo quyền lợi của ông Q và thuận lợi cho việc thi hành án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X2 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 1416/2018/HC-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với khởi kiện của ông Trần Văn Q yêu cầu hủy các Quyết định số 11700/QĐ-UBND-TTtr ngày 08/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X2; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 03/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Văn Q yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 15801/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X2 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với hộ ông (bà) Trần Văn Q có căn nhà (thửa đất) số thuộc một phần thửa 225 tờ bản đồ số 2 (tài liệu 299/TTg) nay thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002) phường Thảo Điền, Quận X2.

Giữ nguyên Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X2 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với hộ ông (bà) Trần Văn Q có căn nhà (thửa đất) số thuộc một phần thửa 225, tờ bản đồ số 2

(tài liệu 299/TTg) nay thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 64 (BĐĐC 2002), phường Thảo Điền, Quận X2, liên quan khoản chi trả hỗ trợ 1.745.533.230 đồng, không tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q: Buộc Ủy ban nhân dân Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết bổ sung tiền lãi của số tiền gốc 572.261.645 đồng x thời gian tính lãi (kể từ ngày 25/6/2009 đến ngày 18/9/2014) và tiền lãi của số tiền gốc chênh lệch tăng (1.745.533.230 đồng - 572.261.645 đồng) = 1.173.271.585 đồng x thời gian tính lãi (kể từ ngày 25/6/2009 đến ngày 09/9/2014), theo hình thức lãi tiết kiệm bậc thang của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương cho ông Trần Văn Q.

II/ Ủy ban nhân dân Quận X2 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008221 ngày 06/3/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (3);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 20b (Ấn39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười